

**BẢN CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ  
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH  
Số: 09**

Đơn vị cung cấp dịch vụ:

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (VIETTEL)**

Địa chỉ : Số 1 đường Trần Hữu Dực, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 024.62556789

Fax : 024.62996789

Website : <https://vietteltelecom.vn>

Email : [vietteladm@viettel.com.vn](mailto:vietteladm@viettel.com.vn)

**CÔNG BỐ**

Chất lượng dịch vụ: **Dịch vụ truyền hình cáp tương tự**

Phương thức cung cấp dịch vụ: **Trả tiền**

Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật: **QCVN 87:2015/BTTTT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng tín hiệu truyền hình cáp tương tự tại điểm kết nối thuê bao** (danh mục các chỉ tiêu chất lượng kèm theo).

Thông tin bổ sung: *Theo Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số 312/GP-BTTTT ngày 20/8/2018.*

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2018

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



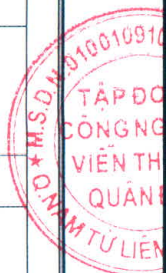
*Thượng tá Tào Đức Thắng*

**DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG  
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

*(Kèm theo bản công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình số 09  
ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội)*

**Dịch vụ: DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH CẤP TƯƠNG TỰ**

TT	Tên chỉ tiêu	Mức theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 87:2015/BTTTT	Mức công bố
1	Băng tần hoạt động	Tuân thủ theo các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện của quốc gia	Tuân thủ theo các quy định về quản lý tần số vô tuyến điện của quốc gia
2	Mức tín hiệu cao tần (Tại dải tần số VHF, UHF)	60dB $\mu$ V ÷ 80dB $\mu$ V	60dB $\mu$ V ÷ 80dB $\mu$ V
Độ cách ly với nhau giữa các đầu cuối thuê bao:			
3	Độ cách ly giữa hai thuê bao đối với tín hiệu có dải thông của kênh là 8 MHz	$\geq 30$ dB	(*)
	Độ cách ly giữa các điểm kết nối thuê bao trong một hộ gia đình	$\geq 22$ dB	(*)
4	Đáp tuyến tần số trong một kênh truyền hình:		
4.1	Đáp tuyến biên độ với điều chế tín hiệu truyền hình AM-VSB, độ rộng băng tần kênh 8MHz:		
	Thay đổi lớn nhất (đỉnh - đỉnh)	$\leq 2,5$ dB	$\leq 2,5$ dB
	Biến thiên đường bao lớn nhất	$\leq 1$ dB/MHz	$\leq 1$ dB/MHz
4.2	Trễ nhóm	$(\pm 100 \times 10^{-9})$ s	$(\pm 100 \times 10^{-9})$ s
Độ sai lệch tần số cao tần:			
5	Dải tần số VHF	$\pm 150$ Hz	$\pm 150$ Hz
	Dải tần số UHF	$\pm 200$ Hz	$\pm 200$ Hz
6	Độ ổn định tần số cao tần	$\leq 10^{-6}$	$\leq 10^{-6}$
7	Tỷ số công suất sóng mang hình trên tạp âm (C/N)	$\geq 43$ dB	$\geq 43$ dB
8	Can nhiễu đến các kênh truyền hình:		
	Can nhiễu đơn tần (với các tín hiệu AM)	$\geq 57$ dB	$\geq 57$ dB
	Can nhiễu đơn kênh	$\geq 54$ dB	$\geq 54$ dB



TT	Tên chỉ tiêu	Mức theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 87:2015/BTTTT	Mức công bố
	Yêu cầu tín hiệu hình:		
	Độ sâu điều chế (Biên độ tín hiệu đỉnh – đỉnh xung đồng bộ)	$(87,5 \pm 2)\%$	$(87,5 \pm 2)\%$
	Mức xung đồng bộ sau giải điều chế	$(300 \pm 15)\text{mV}$	$(300 \pm 15)\text{mV}$
9	Méo khuếch đại vi sai (So với giá trị chuẩn biên độ tín hiệu sóng mang màu)	$(\pm 7)\%$	$(\pm 7)\%$
	Méo pha vi sai (So với giá trị chuẩn pha tín hiệu sóng mang màu)	$(\pm 5)^\circ$	$(\pm 5)^\circ$
	Tỷ số tín hiệu trên tạp âm (S/N)	$\geq 45\text{dB}$	$\geq 45\text{dB}$
	Sai lệch đáp tuyến biên độ tần số hình (Trong giải tần 0MHz - 5MHz)	$(\pm 2)\text{dB}$	$(\pm 2)\text{dB}$
10	Khoảng cách giữa tần số sóng mang hình với tần số sóng mang tiếng với hệ màu PAL D/K	6.5MHz	6,5MHz
11	Tỷ lệ công suất sóng mang tín hiệu hình và tiếng (V/A)	13dB ÷ 16dB	13dB ÷ 16dB
12	Băng thông của mỗi kênh với hệ màu PAL D/K	8MHz	8MHz
13	Độ di tần tiếng	$\leq 50\text{kHz}$	$\leq 50\text{kHz}$
14	Sai lệch đáp tuyến biên độ tần số âm thanh (Biên độ tần số âm thanh từ 30Hz tới 15.000Hz)	$(\pm 1,5)\text{dB}$	$(\pm 1,5)\text{dB}$

Ghi chú: (\*) Chỉ tiêu “Độ cách ly với nhau giữa các đầu cuối thuê bao” chỉ áp dụng đối với mạng cáp đồng trục, Viettel không công bố do sử dụng mạng cáp quang.

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2018

**KI. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phượng tá Tào Đức Thắng